

Bản án số: 91/2022/HSST
Ngày 27/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Trung Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Việt H; Bà Hoàng Thị Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lã Thu Quỳnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông: **Tòng Văn T** - Kiểm sát viên

Ngày 27/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 106/2022/TLST-HS ngày 15/9/2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HS ngày 16/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN Đ**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20/6/2003, tại huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm X, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1968; trú tại xóm X, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; Gia đình bị cáo có 02 anh, em; bị cáo là con thứ hai; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ 23 giờ 00 phút ngày 28/5/2022, tạm giam từ ngày 05/6/2022 tại nhà tạm giữ C an huyện T cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **BÙI VĂN C**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/11/1974, tại huyện D, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm P, xã Diên K, huyện D, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Bùi Văn H, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Vũ Thị C, sinh năm 1933 (đã chết); Gia đình bị cáo có 08 chị, em; bị cáo là con thứ bảy; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; trú tại xóm P, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 27/7/2020, Bùi Văn C bị

C an huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo Đ và chất lượng sản phẩm hàng hóa với số tiền 2.700.000 đồng, bị cáo đã được xóa tiền sự.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ 23 giờ 00 phút ngày 28/5/2022, tạm giam từ ngày 05/6/2022 tại nhà tạm giữ C an huyện T cho đến nay (có mặt).

Bị hại: Bà Lương Thị L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định (có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 19/5/2022, Nguyễn Văn Đ lên mạng xã hội Facebook (Đ không nhớ địa chỉ) đặt mua dây chuyền và lắc tay giả bạc làm từ hợp kim của Đồng, Niken và Kẽm, lớp ngoài dây chuyền và lắc tay sẽ phủ một lớp mỏng bạc thật. Mục đích của Đ mang bán nhằm lừa người mua tin dây chuyền và lắc tay là bạc thật để chiếm đoạt tiền của người mua. Đến 26/5/2022, Nguyễn Văn Đ nhận được dây chuyền và lắc tay giả, Đ không nhớ số lượng bao nhiêu, Đ đã thanh toán cho nhân viên chuyển phát số tiền 6.500.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Văn Đ rủ Bùi Văn C đem số dây chuyền và lắc tay giả lên các tỉnh phía Tây Bắc để lừa bán cho các cửa hàng vàng bạc lấy tiền chia nhau. Đến sáng ngày 27/5/2022, Bùi Văn C điều khiển xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Vios, mang BKS 18A-119.22 chở Đ đi qua các tỉnh T, S, đến tỉnh Lai Châu. Khoảng 09 giờ ngày 28/5/2022, C và Đ đi đến chợ trung tâm huyện T thuộc khu 1 thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. C dừng xe còn Đ mang dây chuyền và lắc tay giả đi lừa bán. Đ mang 02 dây chuyền giả bạc và 01 lắc tay giả bạc đi vào cửa hàng vàng bạc C L thì gặp chị Lương Thị L, sinh năm 1981 (chủ cửa hàng). Đ đưa cho chị L 02 dây chuyền giả bạc nói là muốn bán. Sau đó, chị L thử dây chuyền bằng dụng cụ thử bạc chuyên dụng nH không phát hiện là bạc giả, nên đã đồng ý mua trả cho Đ số tiền 2.500.000 đồng. Sau đó, Đ tiếp tục mang 01 sợi dây chuyền giả bạc đi vào cửa hàng vàng bạc T N tại khu 2 thị trấn T để lừa bán cho anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1992 (chủ cửa hàng) thì bị anh H phát hiện là bạc giả. Khi bị phát hiện, Đ đã bỏ chạy và để lại 01 sợi dây chuyền giả bạc tại cửa hàng anh H. Đ bỏ chạy đến khu vực bờ hồ thuộc khu 4, thị trấn T, huyện T, gọi cho C điều khiển xe ô tô đến đón. Sau đó, C và Đ điều khiển xe ô tô bỏ chạy theo Đ Quốc lộ 32 sang huyện M, tỉnh Yên Bái.

Đến 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T giữ người trong trường hợp khẩn cấp, thu giữ trong xe ô tô của Bùi

Văn C 26 dây chuyền kim loại màu bạc. Thu giữ của Nguyễn Văn Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động loại bàn phím nhãn hiệu Itel; 01 áo phông; 01 quần lửng; 01 mũ; 01 đôi dép lê và số tiền 11.940.000 đồng. Thu giữ của Bùi Văn C: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, mang biển kiểm soát 18A-11922; 01 đăng ký xe ô tô; 01 chứng nhận bảo hiểm xe ô tô; 01 chứng nhận kiểm định xe ô tô; 01 giấy phép lái xe ô tô; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 sổ hộ chiếu mang tên Bùi Văn C; 01 căn cước C dân mang tên Bùi Văn C; 01 hộp gỗ hình chữ nhật; 01 cân tiểu ly điện tử và số tiền 30.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ 01 sợi dây chuyền kim loại màu bạc do anh Nguyễn Đình H giao nộp; 02 sợi dây chuyền kim loại màu bạc và 02 mảnh kim loại do chị Lương Thị L giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số 3427 ngày 28/6/2022 của Viện khoa học hình sự bộ Công an kết luận: *“21 dây chuyền bằng kim loại màu bạc thu giữ của Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C có tổng khối lượng 2587,92 gam; 05 dây chuyền bằng kim loại màu bạc thu giữ của Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C có tổng khối lượng 576,67 gam; 01 dây chuyền bằng kim loại màu bạc thu giữ của Nguyễn Đình H có khối lượng 125,86 gam; 02 dây chuyền bằng kim loại màu bạc thu giữ của Lương Thị L có tổng khối lượng 201,23 gam. Trong đó: Phần mắt xích của 29 dây chuyền đều là hợp kim của đồng (Cu), bạc (Ag), niken (Ni), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình: Cu: 60,23%; Ag: 22,76%; Ni: 8,86%; Zn: 8,15%. Phần móc khóa của 29 dây chuyền đều là hợp kim của bạc (Ag), đồng (Cu), Kẽm (Zn), Cadmi (Cd); hàm lượng trung bình; Ag: 81,45%, Cu: 8,56%, Zn: 6,85%, Cd: 3,14%”.*

Tại bản kết luận giám định số 496 ngày 13/6/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *“Số tiền 41.940.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C gửi đến giám định là tiền thật”.*

Về vật chứng của vụ án: Số tiền 41.940.000 đồng; 29 dây kim loại màu trắng bạc; 02 mảnh kim loại; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu sơn trắng, mang BKS 18A-119.22; 01 đăng ký xe ô tô; 01 chứng nhận bảo hiểm xe ô tô; 01 chứng nhận kiểm định xe ô tô; 01 giấy phép lái xe ô tô; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động loại bàn phím nhãn hiệu Itel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 sổ hộ chiếu mang tên Bùi Văn C; 01 căn cước C dân mang tên Bùi Văn C; 01 hộp gỗ hình chữ nhật; 01 cân tiểu ly; 01 áo phông; 01 quần lửng; 01 mũ; 01 đôi dép lê.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu sơn trắng, mang BKS 18A-119.22; 01 đăng ký xe ô tô, 01 chứng nhận kiểm định và 01 chứng nhận bảo hiểm xe ô tô thu giữ của Bùi Văn C. Quá trình điều tra, xác định: là tài sản hợp pháp của anh

Nguyễn Thế N, sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Chiếc xe ô tô do Bùi Văn C mượn của anh N. Khi cho mượn xe, anh N không biết việc C dùng xe của mình vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại 01 xe ô tô cùng 01 đăng ký xe, 01 chứng nhận kiểm định và 01 chứng nhận bảo hiểm xe ô tô nói trên cho anh Nguyễn Thế N.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lương Thị L đã được gia đình các bị cáo hoàn trả lại số tiền 2.500.000 đồng; người có quyền lợi và nghĩa vụ quan anh Nguyễn Thế N không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Cáo trạng số 95/CT-VKS ngày 15/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174/Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian và địa điểm phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Về hình phạt, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174, Điều 36, điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51/Bộ luật hình sự, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự đối với Bùi Văn C, đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Bùi Văn C mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian đã tạm giam cho các bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung, không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47/Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu 29 dây kim loại màu trắng bạc; 02 mảnh kim loại, 01 hộp gỗ hình chữ nhật; 01 cân tiểu ly thu giữ của Bùi Văn C; 01 áo phông; 01 quần lửng; 01 mũ; 01 đôi dép lê của Nguyễn Văn Đ và 01 phong bì thư niêm phong vật chứng để tiêu hủy. Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động loại bàn phím nhãn hiệu Itel của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus của Bùi Văn C. Trả lại cho Bùi Văn C 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 sổ hộ chiếu; 01 căn cước C dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Bùi Văn C.

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.500.000 đồng của các bị cáo có được do phạm tội mà có trong tổng số tiền 11.940.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn Đ. Trả lại cho Nguyễn Văn Đ số tiền 9.440.000 đồng, trả lại cho Bùi Văn C số tiền 30.000.000 đồng là tài sản hợp pháp của các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 2.500.000 đồng gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại Lương Thị L không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Trong đơn xét xử vắng mặt, bị hại Lương Thị L trình bày: Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đã bồi thường đủ nên không yêu cầu gì thêm, về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong đơn xin vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thế Ntrình bày: Khi cho Bùi Văn C mượn xe ô tô BKS 18A-119.22 ông không biết C dùng chiếc xe vào việc phạm tội, chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ liên quan đều đã được trả lại nên không có đề nghị gì thêm.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án theo quy định tại các Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 41, Điều 42/Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm: Khoảng 09 giờ ngày 28/5/2022, tại khu 1 thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, bằng hành vi gian dối Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C, đã mang 01 dây chuyền giả bạc và 01 lắc tay giả bạc lừa bán cho chị Lương Thị L, chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng. Bắt khẩn cấp đối với: Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn C, cơ quan điều tra thu giữ 26 dây chuyền giả bạc và số tiền 41.940.000 đồng, trong đó có 2.500.000 đồng do phạm tội mà có. Hành vi các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174/Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền bất khả xâm phạm về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

[4]. Về mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích lấy tiền tiêu sài cá nhân.

[5]. Về nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C được sinh ra trong gia đình lao động, Nguyễn Văn Đ có tuổi đời rất trẻ nhưng không chịu khó tu dưỡng rèn luyện, làm ăn chân chính. Để có tiền tiêu sài cá nhân các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên truy tố hành vi phạm tội và đề xuất mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ cần được chấp nhận. Cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Đối với Nguyễn Văn Đ đã từng bị xử lý hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa, mặc dù đã được xóa tiền sự nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, làm ăn chân chính mà lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Bùi Văn C có cha đẻ là ông Bùi Văn H (Bùi H) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52/Bộ luật hình sự.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng bàn bạc và thống nhất thực hiện hành vi phạm tội, hậu quả cho xã hội từ hành vi trái pháp luật của các bị cáo gây ra là tương đương nhau nên trách nhiệm hình sự, hình phạt các bị cáo phải chịu là tương đương nhau.

Tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều đã bị giam, giữ từ ngày 28/5/2022 cho đến nay, từng đó thời gian bị giam, giữ cũng đã đủ để các bị cáo nhận thức được hành vi trái pháp luật của mình. Bên cạnh đó các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần tiếp tục cách ly các bị cáo mà tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, phòng ngừa tội phạm, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về khẩu trừ thu nhập: Xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, không có việc làm ổn định, không có căn cứ chứng minh thu nhập, vì vậy không áp dụng việc khấu trừ thu nhập của các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36/Bộ luật Hình sự.

[7]. Về vật chứng: Đối với 29 dây kim loại màu trắng bạc; 02 mảnh kim loại, 01 hộp gỗ hình chữ nhật thu giữ của Bùi Văn C là các C cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; 01 cân tiểu ly của Bùi Văn C chưa dùng vào việc phạm tội nhưng tại phiên tòa bị cáo không có nhu cầu nhận lại, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy; 01 áo phông; 01 quần lửng; 01 mũ vải; 01 đôi dép lê

của Nguyễn Văn Đ là tài sản hợp pháp của bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo không đề nghị trả lại, 01 phong bì thư niêm phong vật chứng, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động loại bàn phím nhãn hiệu Itel của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus của Bùi Văn C, các bị cáo đã sử dụng các điện thoại này liên lạc với nhau để thực hiện hành vi lừa đảo, là công cụ phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước; Đối với 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 sổ hộ chiếu; 01 căn cước C dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Bùi Văn C, đây là các tài liệu, tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo; Số tiền 30.000.000 đồng thu giữ của Bùi Văn C; 11.940.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn Đ trong đó có 2.500.000 đồng do phạm tội mà có cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 9.440.000 đồng, không chứng minh được đây là tiền do phạm tội mà có, là tài sản hợp pháp của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu sơn trắng, mang BKS 18A-119.22; 01 đăng ký xe ô tô, 01 chứng nhận kiểm định và 01 chứng nhận bảo hiểm xe ô tô thu giữ của Bùi Văn C. Quá trình điều tra, xác định là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Chiếc xe ô tô do Bùi Văn C mượn của ông N. Khi cho mượn xe, ông N không biết việc C dùng xe của mình vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại 01 xe ô tô cùng 01 đăng ký xe, 01 chứng nhận kiểm định và 01 chứng nhận bảo hiểm xe ô tô nói trên cho ông Nguyễn Thế N là có căn cứ.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được gia đình các bị cáo bồi thường đầy đủ số tiền thiệt hại, không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.

[9]. Một số vấn đề liên quan trong vụ án: Quá trình điều tra các bị cáo còn khai nhận, trước khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện T: Ngày 27/5/2022 lừa bán 04 sợi dây chuyền giả bạc cho 04 cửa hàng vàng bạc tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 28/5/2022 lừa bán 01 dây chuyền giả bạc tại cửa hàng vàng bạc tại huyện T, tỉnh Lai Châu và 01 dây chuyền giả bạc tại cửa hàng vàng bạc tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C đều không nhớ địa chỉ. Cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên đã thông báo đến Cơ quan điều tra tại các địa phương trên để tiến hành điều tra xử lý theo thẩm quyền. Hiện tại chưa có bị hại nào ở các địa bàn nêu trên đến trình báo cơ quan điều tra nên hiện chưa có căn cứ để điều tra, xử lý nên HĐXX không có căn cứ xem xét.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[11]. Về biện pháp ngăn chặn: Do các bị cáo đang tạm giam, được áp dụng hình phạt chính không phải là hình phạt tù có thời hạn, không bị tạm giam về một tội phạm khác nên cần căn cứ vào Điều 328/Bộ luật tố tụng hình sự để trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 174, Điều 36, Điều 47, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, Điều 136, khoản 4 Điều 328, Điều 331, Điều 333/Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C mỗi bị cáo 02 (hai) năm Cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian 04 (bốn) tháng 03 (ba) ngày giam, giữ, tương đương với 369 ngày Cải tạo không giam giữ. Nay buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C, mỗi bị cáo phải thi hành tiếp 11 (mười một) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày Cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban Nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án; Miễn hình phạt bổ sung; Miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo.

Các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 99;100;101/Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp các bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này, thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C cho Ủy ban Nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trả tự do cho các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng: Tịch thu 29 dây kim loại màu trắng bạc; 02 mảnh kim loại của các bị cáo, tịch thu 01 hộp gỗ hình chữ nhật; 01 cân tiểu ly của Bùi Văn C, tịch thu 01 áo phông; 01 quần lửng; 01 mũ vải; 01 đôi dép lê của Nguyễn Văn Đ để tiêu hủy; Tịch thu hóa giá, sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động loại bàn phím nhãn hiệu Itel của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus của Bùi Văn C; Tịch thu số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn đồng) của các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 9.440.000^d (chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), Trả lại cho bị cáo Bùi Văn C số tiền 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng), 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 sổ hộ chiếu, 01 căn cước Công dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Bùi Văn C.

Các vật chứng nêu trên đang được bảo quản, lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật

chứng ngày 20/9/2022 giữa Cơ quan CSĐT - Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp Lai Châu;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện T;
- Nhà TG - CA huyện T;
- UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đoàn Trung Phước